

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/KDTM-PT
Ngày: 24-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng xây
dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền.

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Hữu Xuân.

Ông Nguyễn Đắc Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2019/TLPT-KDTM ngày 10/7/2019 về việc “tranh chấp hợp đồng xây dựng”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2020/QĐ-PT ngày 13/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH HP VN; địa chỉ: thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Kao Lung C, chức vụ: Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Minh N và ông Lê Xuân HX, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH TP; địa chỉ: thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ H, sinh năm: 1968; địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (giấy ủy quyền ngày 20/9/2017). Có mặt.

3. Người phiên dịch:

3.1. Ông Nguyễn Công ĐX, sinh năm 1992. Địa chỉ thường trú: tỉnh Bạc Liêu. Có mặt.

3.2. Bà Phan Thị Q, sinh năm 1983. Địa chỉ thường trú: thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH HP VN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/11/2017, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

Từ ngày 04/11/2015 đến ngày 20/10/2016, Công ty TNHH HP VN (viết tắt là Công ty HP) và Công ty TNHH TP (viết tắt là Công ty TP) ký kết với nhau các hợp đồng xây dựng và phụ lục về việc thi công xây dựng các công trình, nhà xưởng cho Công ty HP như sau:

- Ngày 04/11/2015, hai bên ký kết Hợp đồng số 04112015-CĐ/HĐKT có nội dung thi công xây dựng 4 hạng mục, gồm: Nhà xưởng, hệ thống thoát nước, đường nội bộ và nhà xe, thời hạn thi công là 240 ngày tính từ ngày khởi công 16/04/2016 (sau một ngày cấp giấy phép xây dựng), giá trị hợp đồng là: 139.889.848.384 đồng.

- Ngày 31/12/2015, hai bên ký kết Hợp đồng số 31122015-CĐ/HĐKT có nội dung thi công xây dựng 24 hạng mục nhà xưởng, thời hạn thi công là 240 ngày tính từ ngày khởi công 16/04/2016 (sau một ngày cấp giấy phép xây dựng), giá trị hợp đồng là: 36.048.000.000 đồng.

- Ngày 20/10/2016, hai bên ký kết Phụ lục của Hợp đồng số 31122015-CĐ/HĐKT có nội dung thi công xây dựng thêm nhà vệ sinh tầng 2, thời hạn thi công là 60 ngày tính từ ngày hết hạn thi công theo hợp đồng xây dựng.

- Ngày 21/10/2016, hai bên ký kết Phụ lục của Hợp đồng số 04112015-CĐ/HĐKT có nội dung thi công xây dựng bổ sung nhà vệ sinh, nhà điều chế, nhà nén khí, hồ chứa PCCC và hầm container, thời hạn thi công là 120 ngày tính từ ngày hết hạn thi công theo hợp đồng xây dựng.

Trong nội dung các hợp đồng và phụ lục nêu trên đều có ghi nhận về quyền, nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng xây dựng, trách nhiệm và quy định về phạt vi phạm đối với bên nhận thầu (tức là Công ty TP nếu không hoàn thành công trình đúng tiến độ sẽ bị phạt 0,1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm trễ.

Để thực hiện các hợp đồng xây dựng, Công ty TP thực hiện tư vấn xây dựng, đồng thời kết hợp đại diện của Công ty HP tự giám sát thi công các công trình nên hai bên không thuê đơn vị giám sát xây dựng độc lập. Do vậy, trong vụ án này không có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các đơn vị tư vấn, giám sát xây dựng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày: Ngày 05/03/2016, hai bên tổ chức lễ khởi công xây dựng và tiến hành thi công công trình nhưng đến ngày 15/04/2016 được cấp giấy phép xây dựng. Bị đơn cho rằng ngày thi công công trình là ngày 04/5/2016 là ngày chuyển tiền đợt 1 là không đúng. Vì trước khi ký hợp đồng ngày 01/12/2014, nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn số tiền 32.107.500.000 đồng, ngày 19/4/2016 đã chuyển 4.899.400.000 đồng, ngày 04/5/2016 đã chuyển 3.668.437.000 đồng. Như vậy, ngày 04/5/2016 là lần chuyển tiền đợt 3 mà không phải đợt 1.

Bị đơn cung cấp biên bản nghiệm thu ngày 20 và 21 tháng 4 năm 2017 để chứng minh hai bên đã tiến hành nghiệm thu công trình là không đúng. Nguyên đơn thừa nhận chữ ký và mộc dấu là của nguyên đơn nhưng thời gian ký biên bản nghiệm thu là sau ngày 22/11/2017 (ngày Công ty TP gửi Công văn số 01/2017/CVKKHS) yêu cầu Công ty HP ký biên bản nghiệm thu để làm thủ tục hoàn công. Công ty Hight Point đã nhiều lần yêu cầu Công ty TP phải sửa lại ngày nghiệm thu công trình nhưng Công ty TP không đồng ý. Vì để tránh thiệt hại xảy ra nên Công ty HP đồng ý ký biên bản nghiệm thu đề ngày 20 và 21 tháng 4 năm 2017 nhưng thực tế là nghiệm thu vào ngày 30/11/2017. Sau khi hai bên ký biên bản nghiệm thu rồi thì bị đơn nộp biên bản nghiệm thu cho Tòa án vào tháng 6 năm 2018. Trong khi vụ án đã được Tòa án thụ lý từ ngày 22/8/2017, nếu hai bên đã ký biên bản nghiệm thu từ tháng 4 năm 2017 thì bị đơn đã cung cấp sớm cho Tòa án.

Bị đơn cung cấp hai biên bản nghiệm thu ngày 20 và 21 tháng 4 năm 2017, trong đó có một biên bản nghiệm thu do người đại diện cho bị đơn là ông Từ K và dấu mộc của nguyên đơn là dấu cũ. Sau khi hai bên đã ký biên bản nghiệm thu ghi lùi ngày, bị đơn vẫn không thể làm thủ tục hoàn công công trình bàn giao cho nguyên đơn. Do cơ quan nhà nước không đồng ý biên bản nghiệm thu vì ông Từ K không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty TP và mộc dấu của Công ty HP đã đăng ký thay đổi từ ngày 31/5/2017. Do đó, hai bên phải ký lại biên bản nghiệm thu vẫn đề ngày 20 và 21 tháng 4 năm 2017 nhưng người đại diện của nguyên đơn là bà Lai Mỹ TX và mộc dấu của nguyên đơn là dấu mới. Ngoài ra, ngày 25/7/2017 nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện về việc bị đơn chậm thực hiện công trình nên không có việc hai bên đã nghiệm thu công trình vào tháng 4 năm 2017 được. Như vậy, bị đơn cho rằng hai bên đã nghiệm thu công trình từ ngày 20 và 21 tháng 4 năm 2017 là không đúng.

Công ty TP đã thi công chậm tiến độ cụ thể đối với Hợp đồng số 04112015-CD/HĐKT thời gian thi công theo thỏa thuận trong hợp đồng là 240 ngày tính từ ngày 05/3/2016 đến ngày 30/11/2017 là chậm 397 ngày.

Do đó, Công ty HP căn cứ Điều 11 của hợp đồng quy định phạt “Bên B không hoàn thành đúng tiến độ quy định trong hợp đồng, thì Bên B chịu phạt mỗi ngày 0,1% giá trị hợp đồng.”

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng đối với Hợp đồng số 04112015-CD/HĐKT ký ngày 04/11/2015. Nguyên đơn không tranh chấp đòi

với Hợp đồng số 31122015-CĐ/HĐKT, phụ lục Hợp đồng số 04112015-CĐ/HĐKT và phụ lục Hợp đồng số 31122015-CĐ/HĐKT.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền phạt vi phạm hợp đồng do chậm tiến độ thi công công trình đối với Hợp đồng 04112015-CĐ/HĐKT là 55.536.269.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền chi phí lập vi bằng là 60.000.000 đồng.

Công ty HP thuê Công ty TP xây dựng nhà xưởng để cho thuê. Việc Công ty TP chậm tiến độ thi công dẫn đến nguyên đơn không cho thuê được nhà xưởng gây thiệt hại cho nguyên đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn chưa yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án này nguyên đơn sẽ khởi kiện vụ án khác.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Công ty HP thừa nhận số tiền chưa thanh toán cho Công ty TP theo đối chiếu công nợ là 20.091.571.736 đồng. Công ty HP chưa thanh toán là do Công ty TP vi phạm tiến độ thi công công trình. Do đó, Công ty HP chỉ đồng ý thanh toán số tiền 20.091.571.736 đồng còn tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ Công ty HP không đồng ý.

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn (ông Đỗ H) trình bày:*

Công ty TP và Công ty HP có ký các Hợp đồng số 04112015-CĐ/HĐKT và Hợp đồng số 31122015-CĐ/HĐKT như nguyên đơn trình bày. Công ty TP đã thi công công trình theo hai hợp đồng trên từ ngày 04/5/2016 (ngày nguyên đơn chuyển tiền đợt 1). Nguyên đơn cho rằng ngày thi công ngày 05/3/2016 là ngày tổ chức lễ khởi công xây dựng là không đúng. Vì ngày làm lễ khởi công xây dựng vẫn chưa có giấy phép xây dựng. Trong quá trình tố tụng nguyên đơn cho rằng ngày khởi công là ngày cấp giấy phép xây dựng cũng không đúng vì theo hợp đồng thời gian thi công tính từ ngày khởi công nhưng theo Luật xây dựng bị đơn chỉ tiến hành khởi công xây dựng công trình khi có giấy phép xây dựng. Ngày 15/4/2016, Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương ký Giấy phép xây dựng nhưng chưa giao nên bị đơn không thể tiến hành thi công cùng ngày 15/4/2016. Ngày 16/4/2016, Công ty TP cũng không thể khởi công được vì đây là công trình lớn cần phải có thời gian chuẩn bị và Công ty TP không thể biết ngày 15/4/2016 có giấy phép xây dựng để chuẩn bị trước. Khi nhận được giấy phép xây dựng và nguyên đơn chuyển tiền đợt 1 thì Công ty TP bắt đầu thi công công trình.

Công ty TP thi công từ ngày 04/5/2016 đến tháng 3 năm 2017 công trình hoàn thành theo đúng tiến độ. Hai bên đã tiến hành nghiệm thu công trình vào ngày 21/4/2017 đối với hợp đồng số 04112015 và ngày 20/4/2017 đối với hợp đồng số 31122015. Thời gian thi công là thời gian xây dựng công trình không bao gồm thời gian nghiệm thu công trình, hoàn thành giấy tờ hoàn công, bàn giao công trình.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phạt vi phạm thời gian thi công công trình là không đúng nên bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn cho rằng, biên bản nghiệm thu ký ngày 20 và 21 tháng 4 năm 2017 là ký khống thời gian, mà thực tế ký biên bản nghiệm thu là ngày 30/11/2017. Nhưng do Công ty TP ép phải ký ngày 20 và 21 tháng 4 năm 2017 là không đúng. Bởi vì nếu Công ty TP ép Công ty HP ký lùi ngày thì Công ty TP phải ép ký đúng với thời gian thi công theo thỏa thuận trong hợp đồng là 240 ngày. Việc ký biên bản nghiệm thu ngày 20 và 21 tháng 4 năm 2017 là hai bên thống nhất ngày và tiến hành nghiệm thu công trình. Về việc có hai biên bản nghiệm thu cùng ngày, cùng nội dung nhưng người ký biên bản nghiệm thu bên Công ty TP và dấu của Công ty HP khác nhau nguyên nhân như sau:

Đối với biên bản nghiệm thu do ông Từ K (Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TP ký đại diện Công ty TP (có giấy ủy quyền của bà Lai Mỹ TX) ký với đại diện Công ty HP gửi cho Công ty HP đóng dấu (đóng dấu cũ của Công ty HP) nên biên bản nghiệm thu vẫn có hiệu lực. Nhưng Công ty HP trả lại không đủ nên Công ty TP đã gửi lại Biên bản nghiệm thu do bà Lai Mỹ TX (người đại diện theo pháp luật của Công ty TP ký thì Công ty HP cho biết là đang đổi con dấu nên không thể đóng dấu trả cho Công ty TP chờ khi có dấu mới. Do đó, biên bản nghiệm thu do bà Lai Mỹ TX ký được Công ty HP đóng dấu mới.

Biên bản nghiệm thu do bà Lai Mỹ TX ký cũng ghi ngày nghiệm thu là ngày 20 và 21 tháng 4 năm 2017. Như vậy, hai bên đều cùng nhất trí hạng mục công trình đạt yêu cầu và đúng khối lượng để đưa vào sử dụng. Biên bản nghiệm thu được lập thành 04 bản và mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị như nhau.

Nguyên đơn cung cấp Công văn số 01/2017/CVKKHS ngày 22/11/2017 để chứng minh biên bản nghiệm thu ngày 20 và 21 tháng 4 năm 2017 được ký sau ngày 22/11/2017 là không đúng. Vì trong Công văn số 01 ngày 22/11/2017 của Công ty TP không đề cập đến việc buộc Công ty HP ký biên bản nghiệm thu công trình vào ngày 20 và 21 tháng 4 năm 2017. Công văn số 01 Công ty TP yêu cầu Công ty HP phải cung cấp Biên bản bàn giao công trình để Công ty TP làm thủ tục hoàn công hệ thống phòng cháy chữa cháy.

Đối với chi phí lập vi bằng là do nguyên đơn tự yêu cầu Thừa phát lại lập. Hai bên không có thỏa thuận trong hợp đồng.

Do đó, bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Giữa Công ty HP và Công ty TP đã ký các hợp đồng chính và phụ lục hợp đồng kinh tế giao nhận thầu xây dựng nhà xưởng cho Công ty HP tại khu phố 7, phường Uyên H1, thị xã TU, bao gồm:

1. Hợp đồng kinh tế số 31122015-CD/HĐKT ngày 31/12/2015 với tổng giá trị hợp đồng là 1.600.000 USD tương đương 36.048.000.000 đồng. Công ty TP đã thực hiện xong công trình và bàn giao công trình cho Công ty HP đưa vào sử dụng theo biên bản nghiệm thu số 20042017/CD/BBNT ngày 20/4/2017. Công ty HP đã thanh toán số tiền 25.567.837.000 đồng còn nợ số tiền 10.480.163.000 đồng.

2. Hợp đồng kinh tế số 17122016-CD (1)/HĐKT-BGPS02 ngày 17/12/2016 với tổng giá trị hợp đồng là 39.600 USD tương đương 901.692.000 đồng. Công ty TP đã thực hiện xong công trình và bàn giao công trình cho Công ty HP đưa vào sử dụng theo biên bản nghiệm thu số 17122016 CD (1)/HĐKT-BGPS02 ngày 13/12/2017. Công ty TNHH HP VN chưa thanh toán.

3. Phụ lục hợp đồng kinh tế số 20102016-CD/PLHĐKT ngày 20/10/2016 tên công trình: Phát sinh nhà vệ sinh tầng 2, nhà văn phòng 9M-4Mx2 nhà của Công ty HP với tổng giá trị hợp đồng là 11.800 USD tương đương 264.567.600 đồng. Công ty TP đã bàn giao công trình theo biên bản nghiệm thu 20102016 không ghi ngày tháng năm 2017 (phía trên có ghi ngày 15/12/2017). Công ty HP chưa thanh toán hợp đồng.

4. Hợp đồng kinh tế số 04112015-CD/HĐKT ngày 04/11/2015 tên công trình: Nhà xưởng của Công ty HP với tổng giá trị 6.256.254,4 USD tương đương 139.889.848,384 đồng. Công ty TP đã thực hiện công trình đúng tiến độ đã bàn giao cho Công ty HP. Công ty HP đã thanh toán 131.107.500.000 đồng còn nợ 8.782.348.384 đồng.

5. Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 21102016-CD/PLHĐKT ngày 21/10/2016, tên công trình: Nhà xưởng của Công ty HP (Đế giày). Tổng giá trị hợp đồng 243,478.40 USD tương đương 5.424.698.752 đồng. Công ty TP đã thực hiện công trình đúng tiến độ. Nợ 5.424.698.752 đồng.

6. Hợp đồng kinh tế số 28032017-CD (2)/HĐKT ngày 28/3/2017 tên công trình: Hạng mục phát sinh hệ thống phòng cháy chữa cháy (nhà xe 2 bánh 66*92m (3tầng) (nhà xưởng đế giày Đại Hoa) của Công ty HP với tổng giá trị 43.052 USD tương đương 979.002.480 đồng. Công ty TP đã thực hiện công trình đúng tiến độ. Nợ 979.002.480 đồng.

7. Hợp đồng kinh tế số 17122016-CD(2)/HĐKT-BGPS01 ngày 17/12/2016 tên công trình: Nhà xưởng của Công ty TNHH HP VN (nhà xưởng Công ty Đại Hoa giai đoạn 2) với tổng giá trị 227.000 USD tương đương 5.168.790.000 đồng. Công ty TP đã thực hiện công trình đúng tiến độ. Nợ 5.168.790.000 đồng.

Tổng cộng số tiền Công ty HP chưa thanh toán cho Công ty TP là 32.001.262.216 đồng.

Ngoài các hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký nêu trên giữa hai bên còn có thỏa thuận xây dựng các công trình khác tại khu phố 3, phường Uyên H1, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Công ty TP đã thực hiện hoàn tất nhưng Công ty HP vẫn chưa ký hợp đồng cụ thể như sau:

1. Phụ lục hợp đồng kinh tế số 21102016A-CD/PLHĐKT ngày 23/12/2016 tên công trình: Nhà nén khí (4M x 9M) x4 nhà với tổng giá trị 19.800 USD tương đương 441.144.000 đồng. Nguyên đơn chưa thanh toán.

2. Hạng mục công trình phát sinh thêm (sàn lửng) theo yêu cầu của nguyên đơn thì bị đơn đã thi công hoàn tất, đã đối chiếu thực tế nhưng hai bên chưa ký hợp đồng và nguyên đơn chưa thanh toán số tiền 374.972.400 đồng.

Tổng cộng tiền nguyên đơn chưa thanh toán cho bị đơn đối với hợp đồng chưa ký và phát sinh thêm là 816.116.400 đồng.

Ngày 12/12/2017, hai bên đã đối chiếu công nợ của các công trình đã ký hợp đồng, công trình chưa ký hợp đồng và hạng mục công trình phát sinh thêm tổng cộng tiền nguyên đơn nợ là 32.817.378.616 đồng. Hai bên đã thống nhất khấu trừ số tiền 1.079.384.280 đồng do hạ đơn giá. Số tiền Công ty HP còn phải thanh toán cho Công ty Thuật phát là 31.737.994.336 đồng.

Ngày 03/01/2018, hai bên đã thỏa thuận thống nhất xác nhận: Công nợ của Hợp đồng 01102014-CĐ/HĐKT ngày 01/10/2014 (công trình cao điểm cũ) nguyên đơn còn nợ số tiền 5.635.156.791 đồng; công nợ của công trình cao điểm 1 nguyên đơn nợ 9.785.709.620 đồng. Nguyên đơn hẹn trả số tiền trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày 03/01/2018.

Ngày 15/01/2018, nguyên đơn đã trả số tiền 9.785.709.621 đồng (bao gồm: Số tiền 264.576.600 đồng của Hợp đồng 20102016/CĐ/PLHĐKT ngày 20/10/2016; số tiền 901.692.000 đồng của Hợp đồng số 17122016-CĐ (01)HĐKT-BGPSS02 ngày 17/12/2016 và số tiền 8.619.450.020 đồng của Hợp đồng số 3112015-CĐ/HĐKT ngày 31/12/2015).

Ngày 23/4/2018, nguyên đơn đã trả số tiền nợ 5.635.156.791 đồng đối với Hợp đồng 01102014-CĐ/HĐKT ngày 01/10/2014 (không còn nợ);

Số tiền 15.420.866.412 đồng nguyên đơn trả ngày 15/01/2018 và ngày 23/4/2018 là thực hiện theo biên bản thỏa thuận ngày 03/01/2018. Đối với số tiền bị đơn yêu cầu phản tố nguyên đơn chưa thanh toán cho bị đơn.

Bị đơn có yêu cầu phản tố cụ thể như sau:

- Công ty HP phải thanh toán tiền hợp đồng cho Công ty TNHH TP số tiền 20.091.571.736 đồng.

- Công ty HP phải thanh toán cho Công ty TNHH TP số tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ 20.091.571.736 đồng tính từ ngày 11/8/2017 (thời điểm thanh toán là từ tháng 3/2017 nhưng bị đơn tính lãi từ ngày 11/8/2017 là ngày Ủy ban nhân dân phường Uyên H1 hòa giải là có lợi cho nguyên đơn) đến ngày xét xử sơ thẩm là 20 tháng 12 ngày với mức lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng cộng 50% lãi suất quá hạn là 5.102.703.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng đối với số tiền bảo hành công trình chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán là vào ngày 11/8/2017. Do đó, bị đơn đồng ý trừ tiền lãi đối với 3% bảo hành của Hợp đồng 04112015 là 139.889.848.384 đồng với lãi suất 0.85%/tháng trong 12 tháng là 4.17.645.000 đồng. Như vậy, bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả số tiền lãi là 4.685.058.000 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu phản tố là 24.776.692.000 đồng.

Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty HP về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng đối với Công ty TNHH TP về việc buộc Công ty TNHH TP trả số tiền: 55.596.269.000 đồng (Trong đó: Phạt vi phạm hợp đồng số tiền 55.536.269.000 đồng; chi phí lập vi bằng: 60.000.000 đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH TP về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng với Công ty HP

Buộc Công ty HP có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH TP số tiền: 24.776.692.000 đồng (Trong đó tiền nợ gốc: 20.091.571.736 đồng và tiền lãi: 4.685.058.000 đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 24/4/2019, nguyên đơn Công ty TNHH HP VN kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 21/7/2020, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Kao Lung C đã nộp cho Tòa án đơn xin rút Đơn kháng cáo và Văn bản thỏa thuận hòa giải thành giữa Công ty TNHH HP VN và Công ty TNHH TP ghi ngày 29/6/2020.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn xác định nguyên đơn chỉ rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH HP VN về việc tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng đối với bị đơn Công ty TNHH TP về việc buộc Công ty TNHH TP trả số tiền: 55.596.269.000 đồng (Trong đó: Phạt vi phạm hợp đồng số tiền 55.536.269.000 đồng; chi phí lập vi bằng: 60.000.000 đồng).

- Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

1. Nguyên đơn Công ty TNHH HP VN thanh toán cho bị đơn Công ty TNHH TP tổng số tiền 19.900.000.000 đồng (Mười chín tỷ chín trăm triệu đồng), đã bao gồm thuế VAT. Thời hạn thanh toán kể từ ngày quyết định, bản án có hiệu lực (24/7/2020) cho đến ngày 31/12/2020.

2. Án phí sơ thẩm, phúc thẩm: Nguyên đơn Công ty TNHH HP VN tự nguyện chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

* Người bảo vệ quyền Và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn (ông Dương Minh N, ông Lê Xuân HX) trình bày: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH HP VN về việc tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng đối với bị đơn Công ty TNHH TP về việc buộc Công ty TNHH TP trả số tiền: 55.596.269.000 đồng (Trong đó: Phạt vi phạm hợp đồng số tiền 55.536.269.000 đồng; chi phí lập vi bằng: 60.000.000 đồng). Xét thấy, việc rút một phần kháng cáo của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, nên có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH HP VN, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH HP VN về việc buộc bị đơn Công ty TNHH TP trả số tiền: 55.596.269.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH TP về việc buộc nguyên đơn Công ty TNHH HP VN có trách nhiệm thanh toán số tiền 24.776.692.000 đồng. Các đương sự thỏa thuận: Bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 19.900.000.000 đồng, đã bao gồm thuế VAT. Thời hạn thanh toán kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến ngày 31/12/2020. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần Bản án sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TU, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH HP VN về việc tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng đối với bị đơn Công ty TNHH TP về việc buộc Công ty TNHH TP trả số tiền: 55.596.269.000 đồng (Trong đó: Phạt vi phạm hợp đồng số tiền 55.536.269.000 đồng; chi phí lập vi bằng: 60.000.000 đồng). Xét thấy việc rút một phần kháng cáo này là sự tự nguyện của đương sự, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, đồng thời công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và phúc thẩm: Nguyên đơn Công ty TNHH HP VN tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 148, điểm c khoản 1 Điều 289, 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH HP VN về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng đối với Công ty TNHH TP về việc buộc Công ty TNHH TP trả số tiền: 55.596.269.000 đồng (Trong đó: Phạt vi phạm hợp đồng số tiền 55.536.269.000 đồng; chi phí lập vi bằng: 60.000.000 đồng).

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH HP VN.

3. Sửa Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương như sau:

3.1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Công ty TNHH HP VN có trách nhiệm thanh toán cho bị đơn Công ty TNHH TP tổng số tiền 19.900.000.000 đồng (Mười chín tỷ chín trăm triệu đồng) đã bao gồm thuế VAT. Thời hạn thanh toán kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực (ngày 24/7/2020) cho đến ngày 31/12/2020.

Kể từ ngày Công ty TNHH TP có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH HP VN không thanh toán số tiền nêu trên thì Công ty TNHH HP VN còn phải trả cho Công ty TNHH TP khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH HP VN phải chịu 291.496.269 đồng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 127.099.729 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0013218 ngày 11/8/2017 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0013522 ngày 28/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Công ty TNHH HP VN còn phải nộp 164.396.540 đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm bốn chục đồng).

Hoàn trả cho Công ty TNHH TP số tiền tạm ứng án phí đã nộp 64.769.082 đồng (sáu mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi chín ngàn không trăm tám mươi hai đồng) theo Biên tại thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013660 ngày 22/01/2018 Chi cục thi hành án dân sự thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

4. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH HP VN phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0036753 ngày 06/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (24/7/2020)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tòa KT, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền

Các thẩm phán thành viên

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tòa KT, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền